TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Trần Thị Thủy

2. Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Giáp Nguyễn Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX ST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N - sinh năm: 1998; trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm: 1992; Trú tại: Tổ S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 02 năm 2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ghen tuông vô cớ, thường tụ tập bạn bè chơi bời, không chăm lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình, chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe còn xúc phạm, đánh chị N. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến cuối tháng 12 năm 2017 trở nên trầm trọng,

vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Từ cuối tháng 02 năm 2018 đến nay vợ chồng không còn sống chung.

Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị N, anh Đ có con chung duy nhất là Nguyễn Thảo Như H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016. Hiện con chung đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị N, anh Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị N, anh Đ không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 3 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống, vợ chồng sống chung ở ở tổ S, thị trấn G, vợ chồng chung sống đến khoảng giữa tháng 2 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N quen biết, thường liên lạc với người đàn ông khác, anh Đ có khuyên bảo nhưng chị N không nghe nên vợ chồng kình cãi, anh Đ nóng giận có đánh chị N. Từ cuối tháng 02 năm 2018 đến nay vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay anh Đ vẫn còn thương chị N, anh Đ không đồng ý ly hôn, anh Đ yêu cầu Tòa giải quyết để vợ chồng về chung sống với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh Đ, chị N có con chung duy nhất là Nguyễn Thảo Như H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016. Anh Đ đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị N, anh Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị N, anh Đ không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có địa chỉ tại tổ S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểu a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N, anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01, ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp.

Về việc chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn, xét thấy: Vợ chồng chị N, anh Đ thực tế không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau từ cuối tháng 12 năm 2017 theo lời khai chị N và từ cuối tháng 02 năm 2018 theo như anh Đ khai; chứng tỏ giữa chị N và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hòa giải lần thứ nhất để vợ chồng chị N, anh Đ về tiếp tục chung sống với nhau nhưng không thành, Tòa án tiến hành hòa giải lần thứ hai thì anh Đ vắng mặt; nên có cơ sở để xác định chị N với anh Đ đã không còn thương yêu nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh Đ có con chung duy nhất là Nguyễn Thảo Như H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016. Xét thấy: chị N đang trực tiếp nuôi con chung dưới 36 tháng tuổi; trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy việc chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và sự thỏa thuận của các bên, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh Đ xác nhận vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung duy nhất là Nguyễn Thảo Như H, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị N, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét về tài sản chung.

4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014018 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn G;
(Giấy kết hôn số 118, quyển số 01/2016)
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trừ